

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-10-2020  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thùy Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quốc Thông.

Ông Trần Như Học.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh R, sinh năm 1965 (xin vắng).

Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Bà Trương Tuyết L, sinh năm 1970 (xin vắng).

Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện N, tỉnh C ..

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2020 và biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh R trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà L tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 1990, đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Lý do ly hôn: Trong quá trình chung sống không hợp nhau, xảy ra nhiều mâu thuẫn nên trong hôn nhân không đạt hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Nếu duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên ông R yêu cầu ly hôn với bà L.

- Về nuôi con chung, cấp dưỡng: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thiện Thanh (nam), sinh ngày 20/02/1995 và Nguyễn Diệu Ngân (nữ), sinh ngày 28/6/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai đề ngày 16 tháng 10 năm 2020 và biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20 tháng 10 năm 2020, bị đơn bà Trương Tuyết L trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông R quen biết và tìm hiểu nên đã tiến tới hôn nhân từ năm 1990, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì cuộc sống chúng tôi không hợp nhau do bất đồng quan điểm nên vợ chồng tự thỏa thuận sống ly thân cho đến nay.

Do đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông R yêu cầu ly hôn thì bà L đồng ý ly hôn với ông R.

- Về con chung, cấp dưỡng: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thiện Thanh (nam), sinh ngày 20/02/1995 và Nguyễn Diệu Ngân (nữ), sinh ngày 28/6/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông R và bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông R và bà L là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông R và bà L chung sống với nhau từ năm 1990 trên tinh thần tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng tự nguyện sống ly thân cho đến nay. Cả hai nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông R. Nhưng không thể ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai đương sự vì đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa ông R và bà L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung, cấp dưỡng, tài sản và công nợ: Ông R và bà L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Như vậy, về nuôi con chung, cấp dưỡng, tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền tự định đoạt của đương sự.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông R phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh R và bà Trương Tuyết L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng, tài sản và công nợ: Hai đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông R phải chịu 300.000 đồng, ông R đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007364 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp tiếp.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Thùy Linh**